

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/DS - ST

Ngày: 08 - 9 - 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phú;

2. Bà Mai Lương Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh N Phú - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 81/2023/TLST - DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chế Rơi V, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: tổ 3, thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà V: Chị Ninh Thị Hồng N, sinh năm: 1995, địa chỉ: Số 11A, đường T, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh L (theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2023) - có mặt.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh L (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Như Q, chị Nguyễn Thị Như N.

Địa chỉ: tổ 3, thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2023 của nguyên đơn và trình bày của chị Ninh Thị Hồng N là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn thì: Do có mối quan hệ quen biết với nhau, vào ngày 23/11/2021 bà Đỗ Thị C đã ký giấy mượn tiền của bà Chế Rơi V với số tiền nợ gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), quá trình hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/năm. Từ khi vay đến nay bà C chưa trả tiền lãi cũng như tiền gốc cho bà V.

Do đó bà V khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị C có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc đã vay là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 23/11/2021 đến ngày khởi kiện là 3.825.000đ theo mức lãi suất là 10%/năm. Tổng cộng cả gốc và lãi là 33.825.000đ (Ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Đến ngày 08/8/2023 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ còn yêu cầu bà C có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc còn lại là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 23/11/2021 tạm tính đến ngày 01/3/2023 với mức lãi 10%/năm được tính là 1.270.000đ, tổng số tiền cả gốc và lãi là 11.270.000đ (Mười một triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng), yêu cầu bà C chịu tiếp tiền lãi kể từ ngày 02/3/2023 đến ngày xét xử xong vụ án, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn bà Đỗ Thị C thì: Bà và bà Chế Rơi V là người cùng xã, là chỗ quen biết với nhau, do bà cần tiền làm ăn nên vào năm 2020 bà đã vay của bà Chế Rơi V số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lãi suất là 1.000.000đ/1 ngày, quá trình bà đã trả tiền gốc và tiền lãi nhiều lần cho bà V, cụ thể ngày 21/7/2021 bà đã giao cho con của bà V là chị Nguyễn Thị Như N số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), nên ngày 22/7/2021 bà Chế Rơi V chốt số tiền gốc bà còn nợ là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và viết thành 01 tờ giấy chốt nợ khác cho bà, sau đó thì bà đã trả được thêm khoản nợ gốc 20.000.000đ và một số tiền lãi, nên đã xé giấy mượn tiền ngày 22/7/2021, ngày 23/11/2013 viết lại giấy mượn tiền thể hiện bà còn nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), nhưng ngày 13/02/2022 thì bà tiếp tục trả cho bà V số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) giao cho con gái của bà V là chị Nguyễn Thị Như Q ký nhận. Bà xác định bà chỉ còn nợ của bà V số tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), đối với các khoản tiền lãi bà đã trả trước đây thì bà không có ý kiến yêu cầu gì. Nay bà chỉ đồng ý trả số nợ gốc 10.000.000đ và đồng ý trả lãi 10%/năm như yêu cầu của bà V.

Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Như Q trình bày thì: Chị là con gái của bà V, vào ngày 13/02/2022 chị có nhận của bà C số tiền 20.000.000đ gửi cho mẹ chị, ngoài ra chị không nhận gì thêm.

Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Như N trình bày thì: Chị là con gái của bà V, khoảng năm 2021 chị có nhận

của bà V một số tiền nhưng chị không nhớ rõ là bao nhiêu, bà C bảo gửi cho mẹ chị. Ngoài ra chị không nhận gì thêm.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự để tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị Ninh Thị Hồng N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nay nguyên đơn bà Chế Rơi V chỉ yêu cầu bà Đỗ Thị C có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn lại là 10.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 23/11/2021 và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày xét xử là 1.788.000đ (tổng cộng là 11.788.000đ) và nguyên đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 20.000.000đ so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, đương sự và Hội Đồng xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chế Rơi V về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn bà Đỗ Thị C. Buộc bà Đỗ Thị C phải thanh toán cho bà V số tiền 11.788.000đ, trong đó nợ gốc là 10.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 24/11/2021 đến ngày xét xử là 1.788.000đ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 20.000.000đ và tiền lãi trên số tiền gốc 20.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc giữa nguyên đơn bà Chế Rơi V và bị đơn bà Đỗ Thị C có xác lập giao dịch dân sự vay mượn tiền, do quá trình bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Do vậy có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện ban đầu bà Chế Rơi V khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị C có trách nhiệm trả nợ số tiền 33.825.000đ (trong đó nợ gốc là 30.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính 23/11/2021 đến ngày khởi kiện là 3.825.000đ). Tuy nhiên, đến ngày 08/8/2023 và tại phiên tòa phía nguyên đơn đã xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 20.000.000đ và chỉ còn yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền nợ gốc còn lại là 10.000.000đ cùng tiền lãi là 1.788.000đ.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là “*Giấy mượn tiền*” được lập vào ngày 23/11/2021 thể hiện nội dung bà C ký nhận vay của bà V số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

[3.2] Theo trình bày của bị đơn bà Đỗ Thị C và nộp kèm theo chứng cứ thì bà C xác định vào năm 2020 bà đã vay của bà Chế Rơi V số tiền gốc 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), lãi suất là 1.000.000đ/1 ngày, quá trình bà đã trả tiền gốc và tiền lãi nhiều lần cho bà V, cụ thể ngày 21/7/2021 bà đã giao cho con của bà V là chị Nguyễn Thị Như N số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), nên ngày 22/7/2021 bà Chế Rơi V chốt số tiền gốc xác nhận bà C còn nợ số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), sau đó thì bà C đã trả được tiền gốc 20.000.000đ và một số tiền lãi, nên xé giấy mượn tiền ghi ngày 22/7/2021, đến ngày 23/11/2021 viết lại giấy mượn tiền thể hiện bà còn nợ của bà V số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), vào ngày 13/02/2022 thì bà đã trả số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) chị Nguyễn Thị Như Q ký nhận. Nay bà C xác định bà chỉ còn nợ của bà V số tiền gốc là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), bà đồng ý trả cho bà V số nợ gốc còn lại là 10.000.000đ và đồng ý trả lãi theo mức lãi suất của bà V yêu cầu, đối với các khoản tiền lãi bà đã trả trước đây thì bà không có ý kiến yêu cầu gì.

[3.3] Xét lời trình bày của các bên đương sự cùng các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp phù hợp với tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được, nên có đủ căn cứ xác định giữa nguyên đơn bà Chế Rơi V và bị đơn bà Đỗ Thị C đã xác lập giao dịch vay mượn tiền.

Nay nguyên đơn chỉ còn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả số nợ gốc là 10.000.000đ và bị đơn cũng đồng ý trả số nợ gốc còn thiếu là 10.000.000đ. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ phù hợp với lời trình bày của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên có cơ sở được chấp nhận.

[3.4] Về tiền lãi: Nguyên đơn bà V cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/năm còn phía bị đơn bà C cho rằng quá trình vay tiền bị đơn đã trả lãi suất 1.000.000/ngày và đã trả lãi cho nguyên đơn nhiều lần, nhưng bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi của mình, đồng thời bà C cũng không yêu cầu xem xét việc trả các khoản lãi trước đây.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất theo mức lãi 10%/năm của số tiền nợ gốc còn lại là 10.000.000đ tính từ ngày 24/11/2021 đến ngày xét xử, quá trình làm việc bị đơn cũng đồng ý với yêu cầu về việc trả lãi của nguyên đơn. Như vậy, tiền lãi của khoản nợ gốc là 10.000.000đ được tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày xét xử là 1 năm 9 tháng 15 ngày x 10.000.000đ x 10%/năm = 1.788.505đ (làm tròn là 1.788.000đ). Xét yêu cầu về tiền lãi suất của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp.

[4] Với những nhận định trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chế Rơi V, buộc bà Đỗ Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà Chế Rơi V số tiền 11.788.000đ (trong đó số tiền nợ gốc là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) theo giấy mượn tiền ngày 23/11/2021 và tiền lãi suất là 1.788.505đ). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc 20.000.000đ và một phần tiền lãi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn bà Chế Rơi V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn bà Đỗ Thị C thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” của nguyên đơn bà Chế Rơi V đối với bị đơn bà Đỗ Thị C.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc 20.000.000đ và một phần tiền lãi thay đổi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Tuyên xử:

1/Buộc bị đơn bà Đỗ Thị C phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Chế Rơi V số tiền 11.788.000đ (*Mười một triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng*), trong đó số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 10.000.000đ theo giấy mượn tiền ghi ngày 23/11/2021 và tiền lãi là 1.788.000đ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Bà Đỗ Thị C thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Hoàn trả cho bà Chế Roi V số tiền 845.625đ (*Tám trăm bốn lăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011573 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh L.

3/Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/9/2023). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

